

ÂM NHẠC - NGHI LỄ PHẬT GIÁO Ở HÀ NỘI NHÌN TỪ LÝ THUYẾT CHỨC NĂNG

NGUYỄN ĐÌNH LÂM^(*)

Mỗi một sự vật, hiện tượng được sinh ra đều có nguyên do và sự phù hợp nhất định của nó trong một bộ phận, một hoàn cảnh, một không gian, thời gian cụ thể. Trong nghiên cứu xã hội nói chung, tôn giáo, nghệ thuật nói riêng, việc tìm hiểu những “cái bộ phận” trong “cái tổng thể” hay quan hệ của những cái nhỏ hơn nữa đã giúp người nghiên cứu khoa học nhìn nhận và giải mã được nhiều hiện tượng thú vị. Việc tìm ra chức năng của từng bộ phận, đối tượng trong tổng thể của một “cơ thể” nhất định chính là một trong những hướng đi này - đó là tiếp cận lý thuyết chức năng, còn có thể gọi là chủ nghĩa chức năng hay thuyết cấu trúc - chức năng.

Một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho lý thuyết chức năng là Karl Marx (1818 - 1883) khi nghiên cứu những hiện tượng xã hội dưới cái nhìn cấu trúc và phân tích mối quan hệ qua lại giữa chúng. Những người kế tiếp sau có những đóng góp không nhỏ trong xây dựng và phát triển thuyết này là Herbert Spencer (1820 - 1903), Emile Durkheim (1858 - 1917)... Nội dung căn bản của lý thuyết chức năng có thể rút ra ba khía cạnh khi nhìn nhận đối tượng nghiên cứu.

Thứ nhất, bất kì một hiện tượng xã hội nào cũng tồn tại và phát triển trong một cấu trúc nhất định, nếu như cấu trúc đó mất đi thì đồng nghĩa với việc mất đi ý nghĩa tồn tại của đối tượng.

Thứ hai, một cấu trúc gồm nhiều hợp phần thì mỗi phần riêng lẻ đều thể hiện, đảm nhận chức năng của mình trong tổng hòa các yếu tố tạo nên cấu trúc đó.

Thứ ba, chức năng của từng bộ phận, bên cạnh những chức năng tích cực trong cấu trúc còn có loại phản chức năng, mà theo Parsons, loại chức năng này có thể làm giảm khả năng tồn tại và thích ứng của cấu trúc⁽¹⁾ (nghiên cứu trường hợp âm nhạc nghi lễ Phật giáo ở Hà Nội chúng tôi không nhìn thấy khía cạnh này để phân tích).

Như vậy, bản chất của lý thuyết chức năng là nhìn nhận mỗi đối tượng riêng lẻ trong một chỉnh thể nhất định, một cấu trúc nhất định và vai trò của các đối tượng riêng lẻ trong tổng thể một hiện tượng. Việc đưa ra lý thuyết này đã góp phần quan trọng trong nghiên cứu xã hội nói chung, triết học, tôn giáo và các

*. NCS., Viện Âm nhạc Việt Nam.

1. Theo Lê Ngọc Hùng, *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2011. tr. 242.

khía cạnh khác của đời sống xã hội nói riêng.

Cũng như nhiều nghiên cứu thành công của các học giả nước ngoài khi tiếp cận các hiện tượng dân tộc học, văn hóa và tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam dưới các góc nhìn khác nhau - điển hình là hai nhân vật nổi tiếng là Georges Condominas (1921 - 2011) và Léopold Cadière (1869 -1955) - việc ứng dụng lý thuyết chức năng nói riêng vào nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo ở nước ta hiện nay có thể đem lại những thành quả nhất định. Ở đây, chúng tôi sử dụng lý thuyết chức năng của Emile Durkheim để tìm hiểu bản chất của mối quan hệ giữa âm nhạc và nghi lễ Phật giáo qua trường hợp Phật giáo Hà Nội.

Ở Việt Nam, Emile Durkheim là một trong những người được giới nghiên cứu tôn giáo biết đến với những đóng góp không nhỏ trong việc khai mở những cách nhìn mới khi nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo, đặc biệt qua tác phẩm *Những hình thức sơ đẳng của đời sống tôn giáo* xuất bản năm 1912.

Theo ông, “khi người ta cất nghĩa một hiện tượng xã hội thì cần phải tìm riêng nguyên nhân hữu hiệu là nguyên nhân sản sinh ra nó và chức năng mà nó hoàn thành”⁽²⁾. Điều này đúng khi nhìn vào hiện tượng âm nhạc trong nghi lễ Phật giáo. Âm nhạc sinh ra từ trong nghi lễ Phật là để thực hiện chức năng riêng, gắn với triết lý Phật giáo và bối cảnh thực tiễn ở Việt Nam. Nói cách khác, âm nhạc, với tư cách là cái “sự”, lấy những âm thanh gần gũi với người dân bản địa để nhuộm cái “màu nhiệm” của cái “lí”

điệu vi của Phật giáo để chuyển đến người bản địa. Với triết lý vô thường, vô ngã, âm nhạc Phật giáo đã thể hiện các chức năng trong nghi lễ, chuyển hóa và truyền đạo.

1. Chức năng nghi lễ

Bản thân nghi lễ Phật giáo là một chức năng nằm trong hệ thống các chức năng phục vụ mục đích cuối cùng của Phật giáo: chức năng giác ngộ và giải thoát. Chiếu từ triết lý Phật giáo, ở chức năng này, âm nhạc thực hiện các chức năng cụ thể dưới đây.

1.1. Âm nhạc - với tư cách là một bộ phận, phương tiện tham gia vào quá trình tu tập, quán tưởng và chuyển tải triết lý Phật giáo

Khi các sư tăng tụng kinh, tán canh, đọc kệ chính là để tiếp xúc được với Phật-Pháp-Tăng. Chiếu từ triết học Phật giáo, chính lúc này, âm nhạc là cái vô thường chuyển cái vô thường của Phật giáo⁽³⁾. Điều này thể hiện qua hai khía cạnh:

Thứ nhất, âm nhạc là phương tiện để tiếp xúc với Tam Bảo. Khi thực hiện nghi lễ với các hình thức tán - tụng cũng chính là lúc chủ thể hành lễ và đối tượng hướng tới (Phật - Pháp - Tăng) hòa vào một, trở về với cái bản thể nguyên thủy thường trụ của mình, đó là Tâm. Phật giáo quan niệm, tất cả sự vật hiện tượng

2. Theo Lê Ngọc Hùng, Sdd, tr. 138.

3. Theo Phật giáo, “vô thường” là sự vận động và phát triển liên tục của các sự vật, hiện tượng. “Vô thường” và “vô ngã” (không có tự tính, bản ngã trong sự vật, hiện tượng) có quan hệ hữu cơ với nhau, có thể coi như một cặp “phạm trù”: có vô thường ắt có vô ngã và ngược lại. Đó là nguyên nhân căn bản khiến Phật giáo vô chấp, chấp nhận “chất liệu” chính là âm nhạc truyền thống dân tộc bản địa để chuyển tải nội dung tư tưởng của mình cũng là vì thế.

chỉ là giả tướng, không có thật, mọi sự vật được sinh ra và mất đi nhờ vào nhân duyên của nó; do vậy, con người phải tu tập để tránh luân hồi ác quả. Như vậy, tiếng chuông được thỉnh, tiếng mõ được điểm cùng với nội dung của “Tứ diệu đế”, “Thập nhị nhân duyên”, của “Bát chính đạo” trong nội dung tụng, tán, niệm... là khi mà chủ thể hành lễ tiếp xúc với Phật - Pháp - Tăng cũng như để quay đầu trở về với cái bản thể tâm trong sáng, trí tuệ, không có tham, sân, si, vô thường và vô ngã. Kinh Chánh Pháp Shanghata nói:

“Đức Phật bảo, “thiện nam tử, ông hãy nghe đây. Không phải họ tán dương như lai mà họ tán dương chính bản thân họ. Rồi họ sẽ đặt thân mình làm tòa Pháp, sẽ đặt thân mình làm tòa pháp vô thượng, sẽ từ thân mình phóng ra ánh sáng chánh Pháp, sẽ được tất cả Như lai giữ gìn cho họ thành tựu vô thượng bồ đề, rồi chuyển pháp luân”⁽⁴⁾

Như vậy, ánh sáng vô lượng của con đường thái tử Thích Đạt Đa đã chọn sẽ đưa các đệ tử từ những con người phàm trần, vô minh u tối về với cảnh giới trí tuệ, giác ngộ - Phật. Theo Thượng tọa Thích Thanh Quy:

Khi cúi đầu xuống, năm bộ phận của cơ thể (đầu và hai điểm chân, tay) tiếp xúc với mặt đất chính là để hướng đến Phật - Pháp - Tăng, cũng là để cùng hòa về với bản thể “tâm” - Phật tính. Hai đối tượng (người lễ và Tam Bảo - NDL) đã nhất thể hòa vào một, trở về với chân tâm thường trụ, không bao giờ mất⁽⁵⁾.

Những lúc như vậy lại có sự hiện diện của nhịp trống lễ, trống thượng đường - bát nhã và những hồi chuông, mõ vang

lên chính là để thực hiện chức năng gắn kết sư tăng đến với Phật - Pháp - Tăng.

Như vậy, những âm thanh “thiền” phát ra từ cao độ khi tụng kinh, những tiếng mõ, tiếng chuông khi to, khi nhỏ, vô hình trung đã đưa người tu hành và người nghe đến với cảnh giới thiền để quán tưởng đến với tất cả chúng sinh trong hòa mình và an lạc, cũng như đến với cảnh giới Tây phương Cực lạc - một thế giới bình đẳng, bác ái, không có tranh giành, mưu toan. Và vô hình trung, họ đem cái “tôi” chủ quan đã khúc xạ Phật - Pháp - Tăng để truyền tải nội dung của kinh điển Phật giáo đến với người nghe và từ đó giúp họ thấy gần gũi và tìm đến với Phật. Theo như Luc Benoist, *cái tôi nội tâm, (ở đây là thông qua sự thấu hiểu giáo lý Phật giáo - NDL) đem lại cho chúng ta một quyền năng tạm thời làm vững tin⁽⁶⁾*. Những người đến với Phật giáo, ghi nhớ và lưu giữ nội dung của kinh, kệ từ nhận thức trực quan, cảm nhận qua âm thanh đến với nhận thức lí tính, khi đã quán tưởng và trở thành nhận thức của họ.

Thứ hai, cái gọi là vô thường trong âm nhạc nghi lễ Phật giáo, chiếu từ triết lí Phật giáo, chính là cái tưởng như âm nhạc Phật giáo thì lại không phải là âm nhạc Phật giáo⁽⁷⁾. Âm nhạc chính là những bản kinh, bài kệ, canh - triết lí

4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Kinh Chánh Pháp Shanghata*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2006. tr. 63.

5. Thượng tọa Thích Thanh Quy, trụ trì chùa Đào Xuyên, Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội. Tư liệu phỏng vấn ngày 7/03/2013.

6. Luc Benoist, *Dấu hiệu, biểu trưng và thần thoại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006. tr. 17.

7. Ở Phật giáo, trong vô thường có vô ngã và ngược lại.

Phật giáo, là những Pháp khí sử dụng như một “ngôn ngữ” được chất lọc, khái quát thành các câu chân ngôn, các thể quyết, ấn; đó là những âm điệu từ trong giáo lý Phật giáo và tâm hồn của người hành giả đã thấm đẫm giáo lý Phật giáo. Người ta thông qua các âm điệu địa phương để tự mình hiểu được giáo pháp và mang âm điệu đó truyền tới người khác một cách dễ dàng. Điều đó “chứng minh cho ta thấy rằng giọng điệu có tác dụng hơn lời nói”⁽⁸⁾. Trên thực tế, “*Trong mọi trường hợp, tiếng nói đều vẫn mang đậm nhạc điệu, chứa đầy tình cảm sơ đẳng nhất như tiếng hò reo hay tiếng la ó của đám đông để thể hiện sự cảm phục hay giận dữ. Từ điệu hát dân ca và tự phát, tràn đầy niềm vui sướng, qua khúc ca buồn thời Cổ đại, những bài Thánh ca đều đều trong tôn giáo, bài bi ca tình cảm cho đến những lời nói bình thường nhất, nhạc điệu dần dần giảm đi nhưng không thể mất hẳn, điều này được chứng minh qua các thanh điệu khác nhau*”⁽⁹⁾.

Chúng ta cảm nhận được sự phong phú và sức lôi cuốn kì diệu của âm nhạc Phật giáo thể hiện qua các thể loại đặc trưng tụng, tán, trì chú trong hành lễ Phật giáo là vì thế. Cần phải nhấn mạnh lại rằng, Phật giáo có Tam Ấn là vô thường, vô ngã và Niết bàn. Vô ngã ở đây là, theo triết lý Phật giáo, không có bất kì chủ thể nào có tự tính; Phật giáo không có cái tôi, vì thế âm nhạc trong nghi lễ Phật giáo mang những đặc trưng riêng, nhưng không nằm ngoài âm nhạc truyền thống Việt Nam. Bởi vậy, âm nhạc Phật giáo xây dựng cho mình một sắc thái riêng, trên cơ sở tổng thể nguyên hợp các yếu tố phù hợp với truyền thống tín đồ

bản địa. Đây cũng được coi như một tín hiệu riêng của Phật giáo khi vào Việt Nam và để đến được với tín đồ bản địa. “*Từ rất lâu, người da đen ở Châu Phi truyền cho nhau những thông tin rất chi tiết bằng cách huýt sáo giống như người vùng Caucause, bằng cách đánh trống giống như người da đỏ ở Châu Mỹ hoặc bằng cánh đốt lửa...*”⁽¹⁰⁾.

Niết bàn trong âm nhạc là một trạng thái an lạc và giải thoát khi những danh hiệu Phật được niệm, tụng và tán, để quán tưởng đến cảnh giới Phật - Tâm, giúp người ta xả bỏ được phiền não, được giải thoát khỏi những tham, sân, si khi phải tiếp xúc với “lục trần”. Và như thế, để tiếp xúc được với Phật - Pháp - Tăng để trở về với cái bản thể tâm thường trụ, người hành giả đã phải thông qua những giả tướng khác để đến với chân tướng, đó là đến với Phật - Tâm. Đó cũng chính là lấy cái “sự” để chuyển tải cái “lý”, lấy cái tâm trong sáng để tìm đến cái tâm bản thể, trong sáng. Âm nhạc là một trong những cái “sự” thực hiện chức năng chuyển tải và đơn giản hóa những tư tưởng diệu vi đó.

1.2. Âm nhạc - tham gia kết nối giữa cõi tục - thiêng

Triết lý Phật giáo là triết lý mở, là “vô thường”. Phật giáo lấy cái sự để hiểu cái lý, lấy tâm truyền tâm và Phật giáo cũng lấy cái màu nhiệm, lấy cái giả tướng để cứu vớt cái giả tướng của mình, cũng như thông qua hóa giải nghiệp chướng cho những chúng sinh siêu thoát, lấy

8. Luc Benoist, *Dấu hiệu, biểu trưng và thần thoại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006. tr. 22.

9. Luc Benoist, Sdd. tr. 20.

10. Luc Benoist, Sdd. tr. 14.

mục tiêu siêu thoát cho “người âm” để giúp “người dương” được giác ngộ. Vậy nên, cùng với quá trình tiếp xúc với Phật - Pháp - Tăng, âm nhạc còn là phương tiện để tiếp xúc với các chân linh, cô hồn, thông qua tha lực mà hóa giải cho các vong linh chết do nhiều nguyên nhân khác nhau được siêu thoát. Chỉ có thông qua nghi lễ, thông qua giáo lý kinh sách, thông qua những tiếng chuông, tiếng mõ, nhịp trống thượng đường - bát nhã mà người hành lễ tiếp xúc được với các chân linh.

Theo Phật giáo, con người ta sinh ra và chết đi là cả một quá trình di từ nhân duyên và quả. Nhân là nguyên nhân, là cái sẽ thành quả, còn quả là cái đã có và sẽ có thông qua cái duyên. Như vậy, duyên là để kết nối giữa nhân và quả, như một chất xúc tác làm cho nhân quả diễn ra nhanh hơn. Người ta sinh ra làm người hay các sự vật hiện tượng khác cũng đều do nhân duyên mà thành quả. Và như vậy, con người khi chết đi cũng mang theo những nguyên nhân của quá khứ, hiện tại và tương lai. Quá khứ họ sống thế nào thì sẽ có một hiện tại tương ứng. Tương tự, có một tương lai như thế nào thì phụ thuộc vào cái hiện tại và tương lai (hay quá khứ) họ đã và đang sống. Tuy vậy, Phật giáo là vô thường, vô ngã cũng như vô chấp. Con người ta, kể cả những lúc sống cũng như khi chết có thể được chuyển hóa, chuyển nghiệp khi họ được giác ngộ. Phật giáo Mật tông và Tịnh độ trong Phật giáo Đại thừa chủ trương lấy tha lực để tìm đến với bản thể Phật tính. Thích Minh Tuấn cho biết: *Những nội dung trong tụng Kinh A Di Đà, Kinh Dược Sư, Kinh Địa Tạng, các bài kệ, canh vừa là những*

tha lực vừa là những bản thể nội lực giúp cho các chân linh, vong hồn có thể thức tỉnh, giải thoát⁽¹¹⁾.

Kinh Dược Sư: *“Hoặc có sợ hãi thủy hỏa binh đao, độc ác, hiểm nghèo, voi dữ, sư tử, hùm, sói, gấu, báo, rắn rết độc ác, sâu bọ, ruồi muỗi, nếu chuyên tâm dốc lòng niệm danh hiệu Phật, cung kính cúng dàng, hết thấy sợ hãi đều được giải thoát”*⁽¹²⁾.

Trên thực tế nghiên cứu cho thấy, những nội dung này không bao giờ đọc một cách độc lập mà luôn đi cùng với những giai điệu gắn với phương ngữ bản địa, vừa độc đáo, vừa gần gũi. Thích Nguyên Toàn cho biết: *Người ta niệm các danh hiệu Phật, người ta kêu cầu Bồ Tát Địa Tạng để gia hộ, cảnh tỉnh, và thông qua đó, cởi bỏ những nghiệp chướng cho các chân linh cô hồn đã tạo tác ở kiếp trước được siêu thoát. Những tiếng chuông chùa có thể hóa giải nghiệp chướng, cảnh tỉnh vong linh và chúng sinh giác ngộ, giải thoát khỏi địa ngục u tối, kể cả ở nơi “địa ngục” trần gian*⁽¹³⁾.

Như vậy, trong nghi lễ cúng cho các vong (tiếp linh, triệu linh, chạy đàn phá ngục, cắt kết), các sư tăng than, tụng tán là để tiếp xúc được với vong, “triệu” họ về. Đồng thời, thông qua hóa giải cho “người âm” nơi địa ngục để thu hút, hóa giải cho người dương vốn đầy tham, sân và si như trên đã trình bày.

11. Thượng tọa Thích Minh Tuấn, Tổ đình Mật Lương Thượng, Hà Đông, Hà Nội. Ông là đệ tử chân truyền của cụ Vượng, Hà Nội. Tư liệu phỏng vấn ngày 14/03/2013.

12. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, *Kinh Dược Sư*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 46-47.

13. Tư liệu phỏng vấn ngày 17/03/2013.

1.3. Chức năng nghi lễ của âm nhạc còn thể hiện ở truyền và giữ giới cho người xuất gia

Thông qua các âm thanh của Phật - Pháp - Tăng là âm nhạc để giúp người dó tiếp nhận và giữ giới. Trong Phật giáo, đối với Tỳ kheo tăng cần phải lĩnh thụ 250 giới, Tỳ kheo ni là 348 giới. Những người thụ giới là những thanh văn, nghe âm thanh để đến với đạo và đắc đạo. Cũng như vậy, với hàng Phật tử tại gia hay các chúng sinh cũng thông qua âm thanh, nghe âm thanh để đến với Tam Bảo, để đắc đạo. Âm thanh ở đây là những âm thanh khi tụng kinh, đọc kệ, tán canh, đó là những Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên, Bát chính đạo. Chính vì vậy, trong nghi lễ Phật giáo ở Hà Nội và vùng châu thổ Bắc Bộ, không có nghi lễ nào mà không có âm nhạc. Trong âm nhạc có giáo huấn, thức tỉnh, có khả năng đơn giản hóa giáo lý, kinh sách và giúp họ đến với Phật giáo.

Như vậy, bản thân âm nhạc thực hiện chức năng riêng nhưng đồng thời thực hiện chức năng chung là chức năng nghi lễ, trong tổng thể nghi lễ. Đối với Phật giáo, khi Lục căn tiếp xúc với Lục trần là nguyên nhân dẫn đến tham, sân, si. Nhưng cũng chính nhờ “mượn” sự tiếp xúc này, mà thông qua Pháp của Phật sẽ giúp chúng sinh giác ngộ.

2. Chức năng chuyển hóa

Cùng với chức năng nghi lễ chính là chức năng chuyển hóa, giúp con người từ mê muội đến với trí tuệ, giác ngộ. Nói cách khác, toàn bộ nghi lễ của Phật giáo cũng như các phương tiện phục vụ trong nghi lễ Phật giáo đều nhằm vào mục đích cuối cùng là giúp chúng sinh chuyển hóa, giải

thoát và giác ngộ. Tuy vậy, nhìn một cách chi tiết, dưới góc nhìn của thuyết cấu trúc - chức năng, có thể thấy chức năng độc lập tương đối của nó.

2.1. Âm nhạc tham gia vào quá trình tu tập để, từ chuyển hóa cho mình - người tu hành đến chuyển hóa chúng sinh.

Điều này được thể hiện trong đạo Phật, đặc biệt là Phật giáo Đại thừa, là có tu tập, giữ giới thì mới có sự chuyển hóa. Người xuất gia được sống đạo từ khi quy y Tam Bảo cho đến lúc thụ giới ở các cấp bậc khác nhau, được trải qua quá trình sống và gắn bó với Pháp khí - âm nhạc. Trong ba thời kinh: sáng, trưa, tối đều có sự đồng hành của âm nhạc. Nếu như vào buổi sáng, tiếng mõ tụng cùng với bài kệ thỉnh có chức năng tập chúng, báo hiệu mọi người thức dậy để bái điện lễ Phật, tụng kinh, trì chú, thì tiếng chuông buổi chiều như những âm thanh “cầu siêu” cho các chân linh cô hồn được siêu thoát và thức tỉnh những người đang sống; cùng với đó là nghi thức tụng kinh A Di Đà và cúng cháo bố thí cho những người đã khuất. Những âm thanh của Phật pháp luôn đồng hành với người tu hành, đưa họ đến với những giáo lý sâu xa, diệu vi của Đức Phật mà giác ngộ cho mình và cho người theo tinh thần của Phật giáo Đại thừa. Vì thế Âm nhạc không thể thiếu trong đời sống tu tập của người xuất gia. Trên thực tế, *“chúng ta ghi nhận nhịp điệu điều khiển việc thực hiện công việc. Nó làm công việc trở nên dễ dàng hơn khi chuyển nỗ lực mà công việc đòi hỏi thành nhiệm vụ của vô thức và thói quen”*⁽¹⁴⁾.

14. Luc Benoist, *Dấu hiệu, biểu trưng và thần thoại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006. tr. 33.

Như vậy, những câu Nam mô kèm theo những giai điệu âm nhạc giúp người hành giả, xuất gia quy mệnh, kính lễ, quy ngưỡng Phật - Pháp - Tăng, để được cung kính, cúi đầu kính lễ. Niệm Phật là giác ngộ; đến với Pháp là con đường đưa người xuất gia đến với giải thoát; và tương tự như vậy, khi niệm Tăng là hướng con người ta đến thân tâm thanh tịnh. Những âm thanh trầm bổng của tán, tụng, những âm thanh phát ra từ pháp khí giúp người ta hướng tới ngôi Tam Bảo - ngôi quan trọng nhất của đạo Phật.

Theo Thích Thanh Toàn: *Trong Phật có Pháp, trong Pháp có Tăng; thiếu một trong những yếu tố đó không gọi là Phật, vì đó là “tam phân nhất thể”. Ba ngôi Tam Bảo có thường trụ Tam Bảo và đồng thể Tam Bảo, có xuất giới Tam Bảo như Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Pháp là Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên, là những cái mà trường tồn mãi mãi, Tăng là biểu hiện cho sự thanh tịnh. Còn đồng thể Tam Bảo nghĩa là trong Phật có Pháp, trong Pháp có Tăng, trong Tăng có Phật pháp (Pháp trong tâm, tăng trong tâm). Giải thoát là Phật tính ở trong mình. Pháp là cái gì, là cái được cấu tạo bởi nhân duyên, bởi đất, nước, gió, lửa (sắc), cấu tạo nên cơ thể là Pháp; còn bản chất thanh tịnh nơi con người là Tăng⁽¹⁵⁾.*

Tất cả những điều đó đều hội tụ trong âm nhạc Phật giáo, thông qua âm nhạc để Phật giáo chuyển tải cái lí lẽ sâu xa đó. Tiếng chuông (linh) trong đàn thượng gắn liền với ấn quyết là những chân ngôn đã được khái quát hóa từ kinh điển để biểu hiện ra bên ngoài. Nó chính

là biểu tượng của sự giác ngộ. Một thực tế khác, các nhạc cụ như mõ cá và mõc bảng luôn được đánh lên trong hành lễ hàng ngày của người tu hành như để nhắc nhở họ luôn luôn thức tỉnh để trì giới, giữ giới khỏi đường mê lầm, vô minh mà về quả ác. Trong các đàn lễ có pháp chủ. Lúc này, mõ và chuông lại thực hiện chức năng duyệt chúng, dẫn dắt tăng chúng làm theo khuôn phép.

Theo Thích Thanh Phương, trụ trì chùa Sủi, Gia Lâm, Hà Nội, thì: *Đối với Phật giáo, dù Bắc Bộ hay Nam Bộ, ngay từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam đã lấy cái tinh túy trong dân gian để đi vào đời sống nhân dân. Đạo Phật đã biết lấy các hình thức của dân gian để chuyển tải nội dung tư tưởng của mình đến với dân gian. Đó là cái vô ngã, vô thường cũng như cái diệu vi của Phật giáo⁽¹⁶⁾.*

Nhận xét này cũng có ý sâu sắc và nhiều điểm tương đồng với quan điểm của Lê Mạnh Thát khi ông cho rằng: *“việc ca tán, tụng vịnh như một dạng của những Phật sự [...] người Phật tử giai đoạn này (thế kỉ IV, thế kỉ V-NĐL) đã xác định rõ quan điểm sống đạo của mình là chính giữa cuộc đời với nhiều dạng hình của nó”⁽¹⁷⁾.*

Thật vậy, nếu không có cái vô thường thì có lẽ không có âm nhạc Phật giáo. Do đó, khi nhìn nhận âm nhạc trong nghi lễ Phật giáo phải nhìn nhận trong sự tương quan và tác động qua lại giữa âm nhạc truyền thống bản địa, coi đó như một cặp phạm trù, mà nguyên nhân sâu

15. Tư liệu phỏng vấn ngày 17/03/2013.

16. Tư liệu phỏng vấn ngày 25/11/2012.

17. Lê Mạnh Thát, Sđd, tr. 283.

xa, là xuất phát từ “cặp phạm trù” vô thường và vô ngã. Ở đây, người ta sẽ thấy cái hay cái đẹp của triết học Phật giáo cũng như có nhiều sự tương đồng về nhân sinh quan giữa văn hóa truyền thống và tư tưởng đạo Phật, để từ đó Phật giáo và văn hóa truyền thống bản địa hòa vào nhau ở nhiều nghi lễ và hình thức nghệ thuật.

Từ sự giác ngộ cho mình đến với Phật sự và để giác ngộ đại chúng còn thể hiện ở chỗ, theo Phật giáo Đại thừa, âm nhạc là một trong những phương tiện thực hiện nhiệm vụ cuốn hút con người đến với đạo. Điều này thể hiện rất rõ trong kinh điển Phật giáo. “*Này ông Xá Lợi Phất, cõi Đức Phật A Di Đà kia, gió thường lùa vào các hàng cây báu và các mặt lưới báu, rồi tuyên dương ra rất nhiều những tiếng nhịp nhàng hòa nhã, ví như trăm nghìn khúc nhạc cùng vang động lên một lúc, chúng sinh nghe những tiếng ấy tự nhiên trong tâm sinh ra niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Này ông Xá Lợi Phất, cõi Đức Phật kia lên tới công đức trang nghiêm như vậy đấy*”⁽¹⁸⁾.

Cần phải nói thêm rằng, về mặt nhận thức, bao giờ cũng phải trải qua hai quá trình đi từ cảm tính đến lí tính. Những lưu giữ ban đầu vào não bộ là cơ sở ban đầu để ghi nhớ và sau đó có thể hiểu, khái quát hóa về nó. Đúng như Platon nói “*nhận thức của chúng ta phụ thuộc vào hồi tưởng*”⁽¹⁹⁾. Âm thanh của âm nhạc chính là một biểu hiện của quá trình nhận thức, đồng thời là một trong những phương tiện giúp con người trong quá trình nhận thức thế giới. Theo nghiên cứu của Luc Benoist “*Ở thời xa xưa, văn*

diệu của thơ không chỉ giúp học thuộc lòng và truyền đạt Kinh thánh mà còn điều hòa các yếu tố vô thức và phối hợp ở người đọc nhờ những rung động đồng thời lan tỏa trong những tiếp nối tâm thần và tâm linh của cá tính”⁽²⁰⁾. Và “*chúng ta không thể hiểu được điều gì nếu điều đó không làm ta liên tưởng tới một trong những kí ức của chúng ta*”⁽²¹⁾.

Phải chăng, chính sự chia sẻ đó đã cho chúng ta thấy bản thân họ đang thu nhỏ bản ngã của họ; những mưu toan trong cuộc sống cũng theo những âm thanh đó mà vơi cạn đi phần nào?

Như vậy, âm nhạc chuyển tải giáo lí của Phật giáo đã giúp người nghe có được cảm giác thân tâm nhẹ nhõm hơn, để từ đó đến với nội dung giáo lí mà chuyển hóa được tư tưởng và giải phóng những khổ đau chất chứa trong lòng để trở thành những con người thánh thiện, tốt đẹp hơn trong cuộc đời này. Đây là mục đích cuối cùng của Phật giáo, để thông qua âm nhạc, con người có thể hiểu đời, hiểu đạo, và sống đạo cũng như để có thể “*cư trần lạc đạo*” mà sống đạo và vui vẻ ngay chính giữa cuộc đời này.

3. Chức năng thu hút - tập hợp - truyền giáo

Như trên đã trình bày, trong giới luật Phật giáo có nguyên tắc cấm người Phật tử tiếp xúc với âm nhạc, nhất là những người chưa giác ngộ. Tuy vậy, cũng

18. Hòa thượng Thích Tố Liên, *Sự lí lẽ tụng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh và Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1997. tr. 146.

19. Luc Benoist, *Dấu hiệu, biểu trưng và thần thoại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006. tr. 17.

20. Luc Benoist, *Sđđ*. tr. 32.

21. Luc Benoist, *Sđđ*. tr. 10.

chính trong giáo lí Phật giáo, tư tưởng vô thường, vô ngã đã giúp cho những hành giả biết “lấy độc trị độc”, lấy âm nhạc làm phương tiện gây sự chú ý tò mò, để cũng từ đó truyền bá tư tưởng giải thoát của Đức Phật. Giai đoạn cuối thời Trần, Phật giáo bắt đầu suy vi. Thay vì phát triển đỉnh cao và được tôn vinh ở cung đình như trước, cuối giai đoạn này, Phật giáo thoái trào và bắt đầu đi vào chốn dân gian. Trước bối cảnh đó, người được coi là nhìn ra vấn đề là Thiền sư Huyền Quang. Theo Thích Chánh Thuận, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội thì: *Trước tình hình Phật giáo Việt Nam thất thế, ngài Huyền Quang, trên cơ sở cuốn Thủy Lục chư khoa được truyền thừa từ Trung Hoa, Thiền sư đã Việt hóa cuốn sách này và đưa vào nhà chùa với mục đích đổi mới cách thức tu hành và truyền giáo vốn bác học, hàn lâm như trước. Từ đây, các nghi lễ Phật giáo mang tính dân gian được hình thành và phát triển⁽²²⁾.*

Như trên đã đề cập, Phật giáo lấy tâm truyền tâm, lấy đạo hạnh để truyền đạo hạnh với mục đích cuối cùng là cứu với chúng sinh giác ngộ, thoát khỏi luân hồi vào quả ác. Để thực hiện được thánh đức

này, Phật giáo đã sử dụng tất cả các phương tiện, cái “sự” có thể đáp ứng yêu cầu và đặc điểm tình hình của chúng sinh ở những nơi khác nhau mà truyền cái “lí” sâu sắc khó hiểu. Điều này thể hiện rất rõ qua nghiên cứu chức năng của âm nhạc. Âm nhạc, bản thân nó đã là một “sự” diệu vi, một ngôn ngữ phản ánh trình độ phát triển và khái quát tư duy đỉnh cao của loài người. Danh hiệu A Di Đà Phật được ngân dài cùng với tiếng chuông lại vang vọng và tiếng mõ lại đều đặn nhịp nhàng; và tiếng trống lại rộn rã đưa người dâng lục cúng, cất kết thành hoa, thực hiện việc hoằng dương Phật pháp, truyền những tư tưởng vốn cao siêu khó hiểu đến với chúng sinh. Vì thế có thể nói đặc trưng giải trí của âm nhạc Phật giáo là giải trí trong tâm thế, tâm trạng, tâm linh, nghiêm túc và hướng thiện. Giải trí tâm linh, giải phóng con người. Thông qua âm nhạc Phật giáo, người ta cảm thấy gần gũi với đạo Phật hơn. Đó chính là một trong những chức năng quan trọng bậc nhất của âm nhạc./.

22. Tư liệu phỏng vấn tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội . 31/ 05/ 2013.